

**CÔNG TY TNHH TICNN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TICNN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502398728

**3. Ngày thành lập:** 24/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu nhà ở liền kề Phú Mỹ, B10, Đường số 1, Khu Phố Song Vĩnh, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0974539541

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                         | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                   | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                              | 4212     |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                  | 4221     |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                       | 4222     |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                        | 4223     |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Công trình xử lý ô nhiễm sông                                                                                                                                              | 4229     |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp                                                                                                                                  | 4299     |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                    | 4311     |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                         | 4312     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết :Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                          | 4663     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, điện, chống sét, camera giám sát các công trình                                                                                       | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                     | 4322     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống bơm; Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng (ốp gỗ, sàn, cửa gỗ, nhà gỗ, khung gỗ) Lắp đặt hệ thống chống sét, hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Lắp đặt camera quan sát | 4329     |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                                                     | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                             | 4759        |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), hệ thống điện; Mua bán vật tư, máy móc thiết bị phòng cháy, chữa cháy, chống sét; Mua bán vật tư, thiết bị ngành cấp, thoát nước | 4659        |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Mua bán sắt thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662        |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết :Cho thuê máy móc thi công cơ giới                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7730        |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu và sơ chế                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4620        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế công trình giao thông ( cầu, đường bộ)                                                                                                                                                                                                                                             | 7410        |
| 23. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Lập dự án đầu tư; Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án xây dựng; Định giá xây dựng; Lập tổng dự toán và dự toán công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu, đường bộ; Đo đạc bản đồ; Chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Định giá công trình xây dựng        | 7110        |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2592        |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5224        |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn găng tay bảo hộ, khẩu trang, mặt nạ phòng độc, mũ bảo hộ, găng- ủng, kính bảo hộ, bít tai, nút chống ồn, dây đai an toàn, phao, áo phao; Bán buôn hóa chất công nghiệp                                                                                                                                                      | 4669(Chính) |
| 27. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Thiết kế, Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 28. | In ấn<br>Chi tiết: in ấn và dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1811        |
| 29. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Chuẩn bị tài liệu, Photocopy                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8219        |
| 30. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4661        |

|     |                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe tải                                                                                                                                       | 7710 |
| 32. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản                                                                                      | 6820 |
| 33. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng<br>Chi tiết: Sản xuất dụng cụ cắt gia dụng như dao, đĩa, thìa; Sản xuất dao và lưỡi dao cho máy móc và các bộ phận máy móc... | 2593 |
| 34. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                            | 2511 |
| 35. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                          | 2591 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY TRANG      Giới tính: Nữ  
 Sinh ngày: 06/01/1989      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 082189000434  
 Ngày cấp: 17/07/2018      Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG Về Dân Cư  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 4.10 Lô D C/c Bình Trưng, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Chỗ ở hiện tại: 4.10 Lô D C/c Bình Trưng, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY TRANG      Giới tính: Nữ  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 06/01/1989      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 082189000434  
 Ngày cấp: 17/07/2018      Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG Về Dân Cư  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 4.10 Lô D C/c Bình Trưng, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Chỗ ở hiện tại: 4.10 Lô D C/c Bình Trưng, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu